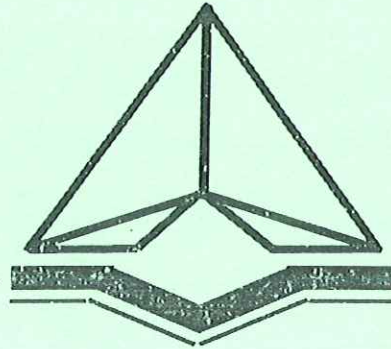


MÃ CHỨNG KHOÁN: LG9

TỔNG CÔNG TY LICOGI -CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP SỐ 9 (LICOGI 9)



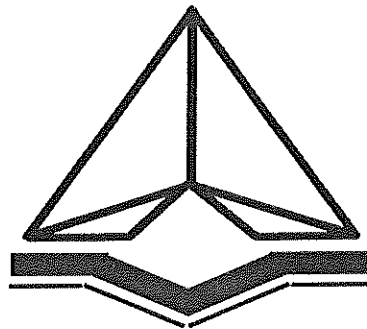
LICOGI 9

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
/ANNUAL REPORT
NĂM 2018**

Năm 2018

MÃ CHỨNG KHOÁN : LG9

TỔNG CÔNG TY LICOGI -CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẬP SỐ 9 (LICOGI 9)



LICOGI 9

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
/ANNUAL REPORT
NĂM 2018

Năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN I - THÔNG TIN CHUNG.....	2
1.Thông tin tổng quát.....	2
2.Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
3.Định hướng phát triển.....	4
4.Các rủi ro.....	5
5.Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	6
-Cơ cấu bộ máy quản lý.....	6
-Các công ty con, công ty liên kết.....	6
-Mô hình quản trị.....	7
-Thông tin Hội đồng quản trị	8
-Thông tin Ban kiểm soát.....	9
-Thông tin Ban tổng Giám đốc.....	10
PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	11
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	11
2. Tổ chức và nhân sự	11
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	13
4. Tình hình tài chính.....	13
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	14
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.....	15
PHẦN III - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	16
PHẦN IV - ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	21
PHẦN V – QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	22
PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	25

PHẦN I-THÔNG TIN CHUNG

Công ty cổ phần Cơ giới và xây lắp số 9 (LICOGI 9) là thành viên của Tổng công ty LICOGI –CTCP – Bộ xây dựng, hoạt động trên địa bàn cả nước, từng tham gia thi công nhiều công trình lớn có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế của đất nước. LICOGI 9 có đủ năng lực và kinh nghiệm tổng thầu thi công các công trình từ khảo sát, thiết kế đến xây dựng toàn bộ công trình thuộc lĩnh vực: Thủy điện; nhiệt điện; các công trình công nghiệp và dân dụng; làm đường giao thông; thủy lợi, các loại cầu, bến cảng; các công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước; đầu tư xây dựng khu đô thị mới, kinh doanh phát triển nhà; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng,...

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ GIỚI VÀ XÂY LẮP SỐ 9**
- Giấy CN ĐKKD số: 0301442322
đăng ký lần đầu ngày 19/08/2010
Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20/07/2018
- Tên tiếng anh: Mechanized construction anh installation Joint stock company
N^o9
- Tên Việt tắt: LICOGI 9
- Vốn điều lệ: 50.266.000.000 đồng
- Mã cổ phiếu: LG9

Địa chỉ trụ sở: Số 2, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Văn phòng làm việc: Số 35, đường số 2, khu phố 4, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: 028.37442059

Số fax: 028.35191689

Website: www.licogi9.com.vn

Email : infolicogi9@gmail.com

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

•QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH

♦Thành lập:

Sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng, Xí nghiệp Thi công cơ giới thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp thi công cơ giới - Bộ Xây dựng được thành lập ngày 27/06/1977.

Năm 1990: Công ty được đổi tên từ Xí nghiệp Thi công Cơ giới thành Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 9 theo Quyết định số 287/BXD-TCLĐ ngày 07/5/1990 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Năm 1993: Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 9 được Bộ Xây dựng Quyết định số: 051A/BXD_TCLĐ ngày 20/02/1993 V/v Thành lập Doanh nghiệp Nhà nước.

Năm 1996: được Bộ Xây dựng đổi tên từ Xí nghiệp Cơ giới và Xây lắp số 9 thành Công ty Cơ giới và Xây lắp số 9 trực thuộc Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Bộ Xây dựng.

♦Chuyển đổi sở hữu:

Tháng 7/2006: Công ty chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần và chính thức chuyển thành *Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9*.

Từ đó đến nay Công ty CP LICOGI 9 đã thi công nhiều công trình trên tất cả các lĩnh vực của ngành xây dựng, các công trình trọng điểm của quốc gia ở mọi quy mô đạt tiêu chuẩn chất lượng cao như các công trình: Nhà máy thủy điện Trị An; Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn (Bình Định); Nhà máy thủy điện Thác Mơ (Sông Bé); Nhà máy thủy điện Yaly (Gia Lai); đường giao thông Tuy Hạ (Nhơn Trạch). Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 3, Nhà máy Thủy điện Đắc Rtih (tỉnh Đắc Nông), Nhà máy Thủy điện Đắc Mi 3+4

(tỉnh Quảng Nam), Nhà máy Thủy điện Đắc Đrinh (tỉnh Quảng Ngãi), Công trình Thủy lợi Phước Hòa (tỉnh Bình Phước)...

Từ khi thành lập đến nay, Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 (LICOGI 9) đã hoạt động và phát triển không ngừng, đạt hiệu quả lớn mạnh về nhiều mặt. Sau hơn 40 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam. Trên thương trường Công ty luôn khẳng định được vị thế của mình, được các đối tác đánh giá cao về năng lực cũng như chất lượng sản phẩm.

♦**Đăng ký giao dịch cổ phiếu:**

Thực hiện theo công văn số 1044/UBCK-QLPH ngày 4/6/2009 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Công văn số 1879/UBCK-QLPH ngày 10/9/2009 về lộ trình đăng ký, lưu ký chứng khoán cho các công ty đại chúng chưa niêm yết. Công ty cổ phần cơ giới và xây lắp số 9 đã thực hiện đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCOM tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và theo Quyết định số 1004/QĐ-SGDHN ngày 11/12/2017 được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch lần đầu là : 5.026.600 cổ phiếu.

•**CÁC SỰ KIỆN KHÁC**

* *Về tập thể:*

- Huân chương Lao động Hạng Nhất năm 2012 theo Quyết định số 128/QĐ-CTN ngày 17/01/2013.

- Cờ thi đua Chính phủ:

+ Năm 2009 theo Quyết định số 78/QĐ-TTG ngày 14/01/2010

+ Năm 2011 theo Quyết định số 2476/QĐ-TTG ngày 30/12/2011

- Cờ thi đua của Bộ Xây Dựng:

+ Cờ thi đua năm 2010 theo Quyết định số 04/QĐ-BXD ngày 05/01/2011

+ Cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2014 theo Quyết định số 1582/QĐ-BXD ngày 30/12/2014

- UBND tỉnh Đồng Nai tặng Danh hiệu Doanh nghiệp xuất sắc 03 năm liền (2007 - 2009) theo Công văn số 1645/SNV-TĐKT ngày 01/10/2010.

- Bằng khen Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2013 của Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam theo Quyết định số 2137/QĐ-TLĐ ngày 30/12/2013.

- Cờ Đơn vị hoạt động Công đoàn xuất sắc 2014 do Công đoàn Xây dựng Việt Nam tặng theo Quyết định số 13/QĐ-CĐXD ngày 07/11/2014.

* *Về cá nhân:*

- 01 cá nhân được tặng Huân chương Lao động Hạng Nhì năm 2012 theo Quyết định số 122/QĐ-CTN ngày 17/01/2013.

- 38 CBCNV được công nhận chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở năm 2014.

- 34 CBCNV được công nhận chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở năm 2015.

- 13 CBCNV được công nhận chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở và 01 CBCNV được công nhận chiến sỹ thi đua cấp ngành năm 2016.

- 21 CBCNV được công nhận chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở năm 2017.

- 17 CBCNV được công nhận chiến sỹ thi đua cấp Cơ sở năm 2018.

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

2.1 Ngành nghề kinh doanh

- Thi công xử lý nền móng, xây dựng hạ tầng kỹ thuật
- Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp
- Thi công các công trình giao thông
- Thi công thủy điện, đường dây điện, và trạm biến áp
- Thi công thủy lợi, bến cảng
- Đầu tư cây dựng Khu đô thị mới, Kinh doanh nhà

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng

2.1 Địa bàn kinh doanh

Trong những năm gần đây Công ty Cổ phần Licogi 9 đã và đang thi công các công trình, thành lập các trạm bê tông tại các tỉnh thành:

+ Công trình đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi tại huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Thi công xây dựng Dự án 04 tuyến đường Chính trong khu Đô thị mới Thủ Thiêm tại Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Công trình Thủy Điện Đăk Đrinh là công trình thủy điện có quy mô lớn nhất trên hệ thống bậc thang thủy điện trên lưu vực sông Trà Khúc và là công trình trọng điểm trong quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030 tại huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Công trình San nền khu Công nghiệp Châu Đức huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+Trạm trộn Bê tông Licogi 9 chuyên sản xuất và kinh doanh bê tông tươi các loại tại địa bàn xã Phước Hoà, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+Công trình thủy điện Đăkkar tại xã Đăk Ha, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

+Công trình thủy điện ĐamB'ri tại xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

3.ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

3.1.Các mục tiêu chủ yếu của Công

Toàn Công ty lấy việc duy trì, ổn định SXKD, đảm bảo mức cổ tức hợp lý, đảm bảo việc làm và đời sống cho Cán bộ CNV là mục tiêu xuyên suốt trong quá trình hoạt động.

- ✓ Đảm bảo tài chính lành mạnh của toàn công ty, thanh toán kịp thời các nghĩa vụ thuế, tiền lương, cổ tức, bảo hiểm, các khoản công nợ, quan hệ tín dụng tốt.
- ✓ Thi công các công trình, dự án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng an toàn kỹ - mỹ thuật. Đặc biệt là phần đấu hoàn thành, bàn giao các hạng mục công trình theo đúng tiến độ của chủ đầu tư.
- ✓ Tăng cường giám sát, kiểm tra các công trường, phòng ban, Công ty con, Công ty liên kết để phản ánh kịp thời hiệu quả hoạt động của các đơn vị này, xây dựng chế tài xử lý đối với các tập thể, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm các quy định quản lý.
- ✓ Kiểm soát chặt chẽ, tăng cường quản lý, tiết kiệm giảm chi phí quản lý để hạ giá thành SXKD.

3.2.Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong những năm qua, Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, đặc biệt là thi công tại các Công trình Thủy điện, hiện nay các Công trình thủy điện đang được thắt chặt. Vì vậy chiến lược trong những năm sắp tới là thời điểm cho ngành xây dựng và phát triển hạ tầng giao thông đang được đẩy mạnh. Tận dụng cơ hội vàng khi điều kiện về Cơ sở hạ tầng của Việt Nam còn yếu.

Đảm bảo tốc độ tăng trưởng hợp lý các chỉ tiêu về **giá trị sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ cổ tức**. Tất cả các đơn vị (Công ty mẹ, Công ty con, công ty liên kết) đều phải hoạt động có hiệu quả, có xu thế phát triển tốt, bền vững.

Tranh thủ cơ hội khi nguồn vốn đầu tư nước ngoài nhiều và sự chuyển dịch cơ sở sản xuất của các nước trong khu vực trong thời gian tới sang Việt Nam.

Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao bằng chính sách thu hút, đào tạo, phân phối và sử dụng một cách có hiệu quả.

Xây dựng một cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách hệ thống, bài bản, tiếp thu các tri thức kinh doanh hiện đại, nâng cao năng lực quản lý đạt tầm chuyên nghiệp và đẳng cấp.

Đẩy mạnh việc nghiên cứu, áp dụng các công nghệ mới vào đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Tăng cường và mở rộng hợp tác với các đối tác, nhà đầu tư, các đơn vị có tiềm lực trong và ngoài nước, ... để tận dụng tốt cơ hội kinh doanh.

Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng thương hiệu LICOGI 9 thành một thương hiệu trên thị trường.

3.3.Các mục tiêu phát triển bền vững

-Mục tiêu với môi trường

Đề trở thành một nhà thầu có uy tín, với nhận thức và trách nhiệm của mình LICOGI 9 rất chú trọng đến công tác gìn giữ và bảo vệ môi trường. Tất cả các công trình mình làm chủ đầu tư hoặc thi công, LICOGI 9 đều cố gắng ảnh hưởng tối thiểu đến môi trường, không để xảy ra khiếu kiện, khiếu nại về vấn đề an toàn môi trường, những phản ánh, đánh giá không tốt từ chủ đầu tư. LICOGI 9 hướng mình đến việc tuân thủ tiêu chuẩn chất lượng xây dựng của Việt Nam và Quốc tế.

-Mục tiêu xã hội và cộng đồng

Trong những năm qua, do đặc thù sản xuất dẫn đến việc thanh toán lương cho CBCNV chưa được kịp thời. Vì vậy cùng với mục tiêu tăng trưởng sản lượng, chăm lo và tạo điều kiện mọi mặt cho nhân viên là quan tâm hàng đầu của ban lãnh đạo công ty. Công ty sẽ tiếp tục nghiên cứu để trả lương phù hợp và kịp thời với tình hình thị trường hiện nay. Nhằm khuyến khích CBCNV có động lực trong sản xuất, đồng thời cũng giúp cho công ty không bị chảy máu chất xám và thu hút nhiều lao động giỏi.

Đặc biệt, để đảm bảo tốt nơi ăn, chốn ở cho người lao động tham gia xây dựng tại công trường, ban lãnh đạo yêu cầu Ban điều hành công trường tìm kiếm thuê nhà, lập ký túc xá, đáp ứng điều kiện sinh hoạt thoải mái cho người lao động, mua sắm trang thiết bị cần thiết phục vụ sinh hoạt, trang bị dụng cụ thể dục, thể thao để người lao động yên tâm công tác.

Hàng năm công ty yêu cầu các cấp quản lý có kế hoạch chủ động đăng ký các chương trình đào tạo kịp thời cập nhật, nâng cao kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng chức danh công việc và đồng thời phát triển kỹ năng quản lý.

Để có được những thành quả trong sản xuất kinh doanh, ngoài sự nỗ lực của lãnh đạo cùng tập thể CBCNV trong công ty, còn có sự hỗ trợ rất nhiều từ cộng đồng. Vì thế nghĩa vụ đóng góp, có trách nhiệm với xã hội là một việc làm tất yếu. Mục tiêu của công ty là cam kết được phần nào chung tay gánh vác, chia sẻ các vấn đề khó khăn chung của xã hội. Hàng năm công ty dành một phần ngân sách hỗ trợ cho các hoạt động từ thiện như chăm lo tết cho người nghèo, ủng hộ đồng bào lũ lụt,...

4.CÁC RỦI RO

Đi kèm với sự phát triển luôn tiềm ẩn những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

4.1.Rủi ro trong an toàn lao động

Công ty LICOGI 9 chủ yếu thi công tại các công trình giao thông , xây dựng, thủy điện. Đây là một trong những môi trường làm việc thường xảy ra tai nạn lao động có tần suất cao. Vì vậy Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên luôn nhận thức công tác bảo hộ, triển khai thực hiện an toàn lao động mọi lúc, mọi nơi.

Tất cả các công trường của Công ty LICOGI 9 tuyệt đối có Ban an toàn lao động, được đào tạo chính quy, kinh nghiệm. đồng thời hàng năm vẫn phải lập kế hoạch cử các cán bộ an toàn học các khóa đào tạo để nâng cao nghiệp vụ. Nhằm áp dụng công tác an toàn tốt nhất có thể, nhằm mục đích giảm tổn thất giờ lao động xuống mức thấp nhất.

4.2.Rủi ro tài chính

Với các hợp đồng thi công công trình Thủy điện, giao thông, san lấp mặt bằng lớn, dù muốn hay không thì các rủi ro chậm thanh toán của chủ đầu tư luôn tồn tại. Để đối phó với tình trạng trên, thì việc tìm cách chuyên nghiệp hóa công tác làm hồ sơ thanh quyết toán để loại bớt thời gian phải chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của chủ đầu tư. Đồng thời Phòng Tài

chính kế toán liên tục chủ động phối hợp chặt chẽ với phòng Kinh tế Kỹ thuật xác lập dòng tiền, kịp thời tìm kiếm nguồn tiền cho hoạt sản xuất kinh doanh của công ty.

Một tác nhân quan trọng ảnh hưởng đến hoạt động công ty là rủi ro nguồn vốn. LICOGI 9 vẫn tiếp tục tiến hành tái cấu trúc tài chính để khắc phục rủi ro nguồn vốn, được giới thiệu với các tiềm lực về tài chính và mối quan hệ để phát triển thị trường.

4.3.Rủi ro pháp lý

Pháp lý là nhóm yếu tố khách quan tác động mạnh đến hoạt động kinh doanh. Sự thay đổi về pháp luật và chính sách có thể xảy ra và rủi ro độ trễ của các chính sách của Nhà nước ảnh hưởng khó kiểm soát đến hoạt động quản trị và kinh doanh.

Ngoài ra đối với ngành xây lắp còn có các rủi ro trong quản lý chi phí, rủi ro trong quản lý thất thoát, hư hỏng ... Đây là những rủi ro mà đội ngũ nhân lực của LICOGI 9 hoàn toàn có thể giảm thiểu thông qua việc tăng cường tuyển dụng nhân lực có trình độ chuyên môn và đào tạo bồi dưỡng nhân viên hiện hữu.

5. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

-Cơ cấu bộ máy quản lý:

+Đại hội đồng cổ đông: gồm tất cả các cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Hội đồng cổ đông sẽ bầu hoặc bãi nhiệm Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

+Hội đồng Quản trị: do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, gồm 04 thành viên: Chủ tịch, Phó chủ tịch và 02 thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT là người đại diện hợp pháp cho Công ty trước pháp luật. Các thành viên HĐQT thực thi nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch HĐQT: Trong đó 02 thành viên đảm nhận các chức vụ quản lý, điều hành của Công ty và 01 thành viên không tham gia quản lý, điều hành của Công ty.

+Ban Kiểm soát: do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, gồm 03 thành viên: Trưởng ban và 02 Ủy viên BKS. Ban Kiểm soát (BKS) là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Báo cáo cho ĐHCĐ tính chính xác, trung thực, hợp pháp về báo cáo tài chính của công ty.

+Tổng giám đốc Công ty: do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Có quyền quyết định cao nhất về quản lý và điều hành công việc hàng ngày của Công ty. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.

+Tổng giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành. Công ty CP LICOGI 9 có cơ cấu khá gọn nhẹ, gồm 04 phòng chức năng, 01 Trạm bê tông Licogi 9, 01 Xưởng sửa chữa và các đội sản xuất ở các công trường như: Đội ô tô, Đội khoan nổ mìn, Đội thi công tổng hợp....

- Công ty con:

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Licogi 9.2

Địa chỉ trụ sở: Số 2, đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Văn phòng làm việc: Số 35, đường số 2, khu phố 4, Phường An Phú, Quận 2, TP.

Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, thương mại, sản xuất

Vốn góp của công ty mẹ vào công ty con: 13.249.000.000 đồng

Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ : 79,31%

- Công ty liên kết:

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Long

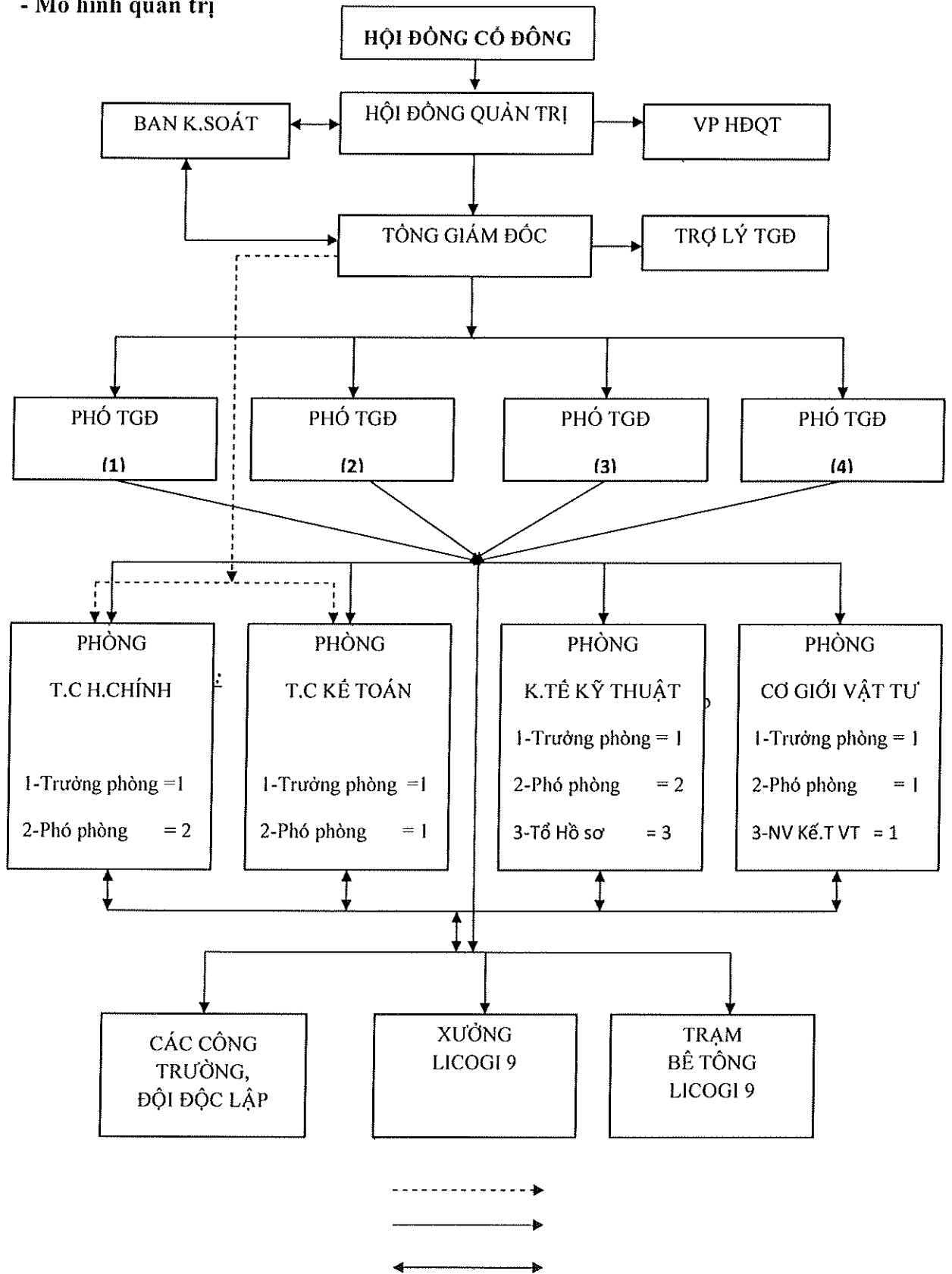
Địa chỉ: Số 233, đường Nguyễn Huệ, tổ 20, Khu phố Phú Bình, Phường An Lộc, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

Lĩnh vực kinh doanh: Khai thác, sản xuất, thương mại.

Vốn góp của công ty vào công ty Liên kết: 16.540.000.000 đồng

Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty: 40%

- Mô hình quản trị



THÔNG TIN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hoạt động kinh doanh và các công việc khác của Công ty phải được quản lý hoặc chịu sự điều hành của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 04 thành viên:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| 1. Ông Phan Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Đào Duy Hiền | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Đào Hồng Khánh | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Bùi Đình Long | Thành viên HĐQT |

❖ Ông Phan Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT

- Năm Sinh: 1972
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy
- Từ 04/2015 – 21/12/2016: Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng Đầu tư Tài chính Tổng Công ty Licogi –CTCP (LIC); Chủ tịch HĐQT Licogi9;
- Từ 22/12/2016 – 10/01/2018: Phó chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Licogi –CTCP (LIC);
- Từ 11/1/2018 – nay: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Tổng Công ty Licogi –CTCP (LIC);
- Từ 04/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần cơ giới và xây lắp số 9 (LG9);
- Từ 12/5/2016 – nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cơ khí Đông Anh Licogi (CKD);
- Từ 2016 – nay: Phó chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Bắc Hà (BHA);
- Từ 1/11/2016 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư, xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh (TDA);

Sở hữu chứng khoán đại diện trong công ty: **1.558.246** cổ phần, chiếm tỷ lệ **31,0 %** vốn điều lệ của Công ty.

❖ Ông Đào Duy Hiền – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty

- Năm sinh: 1977
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Từ 12/2001 – 12/2016: nhân viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Cơ giới và Xây lắp số 9.
- 01/2007-11/2007: nhân viên phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.
- 12/2007-04/2011: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.
- 05/2011-12/2015: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.
- 01/2016-16/12/2016: Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.
- 17/12/2016 – nay : Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.
- Sở hữu chứng khoán đại diện trong công ty: **825.130** cổ phần, chiếm tỷ lệ **16,415%** vốn điều lệ của Công ty. Trong đó:

+ Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong Công ty: **71.140** cổ phần, chiếm tỷ lệ : **1,415%** vốn điều lệ của Công ty.

+Sở hữu chứng khoán đại diện trong Công ty: 753.990 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 15,0% vốn điều lệ của Công ty.

❖ Ông Đào Hồng Khánh – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty

- Năm sinh: 1966
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Ô tô máy kéo
- Từ 04/ 1993 - 12/1995: nhân viên kỹ thuật phòng Cơ giới Công ty Cơ giới và Xây lắp số 9.
- Từ 01/1996 - 05/1999: Phó phòng Cơ giới Công ty Cơ giới và Xây lắp số 9.
- Từ 01/2007 - 06/2010: Trưởng phòng Cơ giới vật tư Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9.
- 07/2010 – nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9

Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong Công ty: 20.877 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0.42 % vốn điều lệ của Công ty.

❖ Ông Bùi Đình Long - Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1984
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng DD và CN, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh.
- Từ 12/2010– 03/2013: Phó Phòng kinh tế- kỹ thuật Công ty Licogi 20
- Từ 03/2013– 11/2013: Trưởng Phòng kinh tế- kỹ thuật Công ty Licogi 20
- Từ 11/2013-02/2015: Phó giám đốc VPĐD Tổng công ty Licogi – Công ty cổ phần tại Tp.HCM
- Từ 02/2015 -03/2018: Giám đốc dự án Đường sắt nội đô Tổng công ty Licogi – Công ty cổ phần tại Tp.HCM
- Từ 03/2018 – nay: Phó phòng Kinh tế kế hoạch Tổng công ty Licogi – Công ty cổ phần

Sở hữu chứng khoán đại diện trong Công ty, chiếm tỷ lệ không % vốn điều lệ của Công ty.

THÔNG TIN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 03 thành viên:

❖ Ông Nguyễn Anh Dũng – Trưởng Ban kiểm soát Công ty

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành tài chính ngân hàng
- Từ 08/2000 – 5/2004 : Chuyên viên Kế toán Công ty Cơ giới và xây lắp số 13
- Từ 06/2004 – 8/2007 : Phó phòng Kế toán Công ty Cơ giới và xây lắp số 13
- Từ 09/2007 – 11/2009 : Kế toán trưởng Công ty CP VLXD Licogi 13-IMAG
- Từ 11/2009 -12/2017 : Phó kế toán trưởng Tổng công ty Licogi –CTCP
- Từ 12/2017 đến nay : Kế toán trưởng Tổng công ty XD và phát triển hạ tầng nay là Tổng công ty Licogi –CTCP
- Từ 10/2017 đến nay : Trưởng ban kiểm soát công ty CP Licogi 9

Sở hữu chứng khoán đại diện trong Công ty, chiếm tỷ lệ không % vốn điều lệ của Công ty.

❖ Ông Hoàng Như Thái – Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 1982
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý xây dựng
- Từ 04/2007 – 8/2011: Chuyên viên kỹ thuật Phòng kinh tế kế hoạch Tổng công ty XD và phát triển hạ tầng
- 8/2011 – nay: Phó Phòng kinh tế kế hoạch Tổng công ty XD và phát triển hạ tầng nay là Tổng công ty Licogi –CTCP

- 6/2010 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Licogi 9
Sở hữu chứng khoán đại diện trong Công ty, chiếm tỷ lệ không % vốn điều lệ của Công ty.

❖ Bà Trần Thị Ngọc Huyền – Thành viên Ban Kiểm Soát

- Năm sinh: 1978
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa CN và TP, Cao đẳng kế toán doanh nghiệp
 - Từ 06/2001 – 11/2001: Nhân viên kỹ thuật Công ty gạch Granite Đồng Nai.
 - Từ 12/2001 – 04/2010 :Trưởng phụ trách phòng kiểm tra chất lượng Công ty gạch Granite Đồng Nai.
 - Từ 04/2010 - 10/2011: Phó phòng kỹ thuật Công ty TNHH Guocera Việt Nam
 - Từ 05/2010 - 10/2012: Phụ trách phòng kỹ thuật Công ty TNHH Guocera Việt Nam
 - Từ 01/2013 – nay: nhân viên kế toán phòng cơ giới vật tư Công ty CP cơ giới và xây lắp số 9
 - Từ 06/2018 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP cơ giới và xây lắp số 9
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong Công ty: 10.480 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0,208% vốn điều lệ của Công ty.

THÔNG TIN THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 03 thành viên:

❖ Ông Đào Duy Hiền Tổng Giám đốc Công ty – Phó chủ tịch HĐQT
(như đã công bố ở phần Thông tin Hội đồng quản trị)

❖ Ông Đào Hồng Khánh Phó Tổng giám đốc Công ty – Thành viên HĐQT
(như đã công bố ở phần Thông tin Hội đồng quản trị)

❖ Ông Nguyễn Văn Thành Phó Tổng giám đốc Công ty

- Năm Sinh: 1972
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường
- Từ 04/2001-8/2007: nhân viên Kỹ thuật phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty Cơ giới và xây lắp số 9.
- Từ 12/2007-06/2010: Phó Phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty CP Licogi 9.
- Từ 07/2010 -05/2013: Trưởng Phòng Kế hoạch Kỹ thuật Công ty CP Licogi 9.
- Từ 06/2013 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Licogi 9

Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong Công ty: 52.644 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 1,047 % vốn điều lệ của Công ty.

❖ Ông Nguyễn Văn Sơn – Trợ lý Tổng giám đốc

- Năm sinh: 1983
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thủy lợi
- Từ 7/2008 – 5/2013: Nhân viên kỹ thuật thi công Công ty CP Licogi 9.
- Từ tháng 6/2013 -12 /2015: Phó phòng Kinh Tế - Dự Án Công ty CP Licogi 9.
- Từ 1/2016 - 11/2017: Trưởng phòng Kinh Tế - Dự Án Công ty CP Licogi 9
- Từ 11/2017-nay Trợ lý Tổng giám đốc Công ty CP Licogi 9

Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong Công ty: 28.376 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0,56 % vốn điều lệ của Công ty.

❖ Ông Nguyễn Đức Tiến – Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1972
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Từ 2008 -12/2015: Nhân viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Licogi 9
- Từ 1/2016 – 16/12/2016: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty CP Licogi 9

- Từ 17/12/2016 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP licogi 9
Sở hữu chứng khoán của cá nhân trong Công ty: 28.376 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 0,56 % vốn điều lệ của Công ty.

PHẦN II-TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1.Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2018 Công ty tập trung thi công các công trình còn dở dang và tiếp tục tìm kiếm các công trình mới, đồng thời đẩy mạnh công tác thanh quyết toán các công trình đã thi công xong, bàn giao Chủ đầu tư đưa vào sử dụng đảm bảo yêu cầu tiến độ, chất lượng.

1.1.Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận đạt được trong năm 2018 như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Theo BCTC riêng	Theo BCTC hợp nhất
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	235.896	230.982
2	Tổng Chi phí	Triệu đồng	227.140	224.536
3	Tổng LN trước thuế	Triệu đồng	8.756	6.445
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	7.853	5.693
5	Cổ tức (Dự kiến)	%	10	10

1.2.Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 so với kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và so với kế hoạch năm 2018

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% Tăng, giảm	%Hoàn thành KH
1	Tổng sản lượng	Triệu đồng	223.000	220.000	267.250	119,84	121,48
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	188.658	200.000	230.982	122,43	115,49
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	181.088	191.000	224.536	123,99	117,56
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	7.570	9.000	6.445	85,14	71,61
5	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.394	1.800	902	64,71	50,11
6	Cổ tức	%	10	13	10	100,00	76,92
7	Thu nhập bình quân	đ/ng/tháng	7.500	7.500	7.500	100,00	100,00

Ghi chú về nguồn các chỉ tiêu:

- ♦Thực hiện năm 2017; 2018: các chỉ tiêu tài chính của Báo cáo hợp nhất;
- ♦Kế hoạch năm 2018: theo Nghị quyết cổ đông Công ty CP cơ giới và xây lắp số 9 năm 2018;
- ♦Cổ tức thực hiện năm 2018 (dự kiến trình ĐHCĐ năm 2019);

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Danh sách:

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 gồm các thành viên sau:

- | | |
|-------------------------|---|
| 1. Ông Phan Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT –Người đại diện pháp luật Công ty |
| 2. Ông Đào Duy Hiền | Phó Chủ tịch HĐQT –Tổng giám đốc Công ty |
| 3. Ông Đào Hồng Khánh | Thành viên HĐQT- Phó Tổng giám đốc Công ty |
| 4. Ông Bùi Đình Long | Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Nguyễn Văn Thành | Phó Tổng giám đốc Công ty |
| 6. Ông Nguyễn Văn Sơn | Trợ lý Tổng giám đốc Công ty |
| 7. Ông Nguyễn Đức Tiến | Kế toán trưởng Công ty |

Lý lịch tóm tắt và tỷ lệ sở hữu cổ phần: (như đã công bố ở phần Thông tin Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc)

2.2. Những thay đổi về nhân sự lãnh đạo:

- Thay đổi giám: ĐHCĐ thường niên năm 2018 ngày 22/06/2018, Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 chỉ có 04 thành viên (như đã nêu ở phần Công bố thông tin Hội đồng quản trị).

- Thay đổi giám: Thông qua phương án cơ cấu số lượng Phó tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 của HĐQT số 40/2018/NQ-HĐQT ngày 04/09/2018 chỉ có 02 thành viên giữ chức phó tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 và theo Nghị quyết số 54/2018/NQ-HĐQT ngày 29/11/2018 bổ nhiệm lại Phó tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 02 thành viên: ông Nguyễn Văn Thành giữ chức Phó tổng giám đốc phụ trách kinh tế - kỹ thuật và ông Đào Hồng Khánh giữ chức Phó tổng giám đốc phụ trách cơ giới vật tư (như đã nêu ở phần Công bố thông tin Ban Tổng giám đốc).

Theo Nghị quyết số 63/2018/NQ-HĐQT ngày 07/12/2018 không bổ nhiệm lại chức danh Phó tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 02 thành viên: ông Mai Văn Hưởng và ông Bùi Mạnh Hà.

2.3. Tổng số CBCNV: Tính đến 31/12/2018 có 171 lao động ký hợp đồng trực tiếp với công ty.

-Tổng số CBCNV Công ty là: 171 người (trong đó Nữ : 14 người)

Trong đó: +HĐLĐ không xác định thời hạn : 159 người.

+HĐLĐ xác định thời hạn : 12 người.

Kết cấu theo trình độ:

Đại học, cao đẳng: 51 người

Sơ cấp, Trung cấp: 16 người

Công nhân ngành nghề kỹ thuật: 79 người

Kết cấu theo cấp độ quản lý:

Cán bộ quản lý là 15 người chiếm 9%

Cán bộ chuyên môn gián tiếp 36 người chiếm 21%.

Cán bộ hành chính 4 người chiếm 2%

Nhân viên trực tiếp sản xuất là 116 người chiếm 68%

Các chế độ chính sách đối với người lao động:

Để đáp ứng kịp thời sự phát triển của công ty và triển khai một cách đồng bộ các vấn đề trọng điểm. Ban Giám đốc đã kịp thời chỉ đạo một số hoạt động trong công tác nhân sự như sau:

-Tiếp tục tuyển dụng bổ sung nguồn lực lao động đáp ứng yêu cầu sản xuất.

Thường xuyên cử cán bộ quản lý, kỹ sư tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ quản lý, kỹ thuật

-Xây dựng cơ chế khoán cho các Ban điều hành công trường nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm và chủ động trong công tác quản lý, đồng thời tăng năng suất lao động, tăng thu nhập cho người lao động, từ đó tăng được hiệu quả của dự án.

-Xây dựng các quy trình quản lý chặt chẽ và thống nhất từ các phòng ban đến Ban điều hành để nâng cao hiệu quả quản trị.

-Xây dựng tiêu chí đánh giá nhân viên cụ thể hơn để tạo không khí thi đua sôi nổi trong toàn hệ thống.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2018 để đáp ứng nhu cầu của SXKD cũng như chủ động trong việc cung cấp thiết bị, máy móc, những sản phẩm đặc thù phù hợp với nhu cầu phát triển bền vững của công ty nâng cao năng lực cạnh tranh trong công tác đấu thầu, công ty đã đầu tư:

-Cần cầu phục vụ Công trình thủy điện Đamb'ri tại xã Lộc Tân, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng là 1,95 tỷ đồng.

- 02 xe máy đào có dung tích $\leq 1,2 \text{ m}^3$ phục vụ Công trình Châu Đức, tỉnh BRVT là 2,5 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

(Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của Các công ty con, công ty liên kết)

4. Tình hình tài chính

Số liệu thực hiện trong năm 2018 trên cơ sở báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty mẹ và hợp nhất, thông tin tóm tắt như sau:

a/ Tình hình tài chính

Dvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Báo cáo riêng			Báo cáo hợp nhất		
	Năm 2017	Năm 2018	% 2018 /2017	Năm 2017	Năm 2018	% 2018 /2017
Tổng giá trị tài sản	294.865	306.677	104,01	300,014	307,580	102,52
Doanh thu thuần	181.639	228.334	125,71	182.046	228.334	125,43
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	7.442	6.757	90,80	4.456	4.483	100,61
Lợi nhuận khác	3.155	1.998	63,33	3.113	1.962	63,03
Lợi nhuận trước thuế	10.598	8.756	82,62	7.570	6.445	85,14
Lợi nhuận sau thuế	9.203	7.853	85,33	5.980	5.693	95,20

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Báo cáo riêng			Báo cáo hợp nhất		
	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>						
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,11	1,09		1,11	1,08	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,95	0,86		0,95	0,85	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>						
+ Hệ số Nợ: Tổng nợ/Tổng tài sản	0,74	0,74		0,75	0,76	
+ Hệ số Nợ: Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	2,79	2,84		3,04	3,10	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>						
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	4,86	3,96		4,86	3,96	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,61	0,74		0,61	0,74	

Chỉ tiêu	Báo cáo riêng			Báo cáo hợp nhất		
	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,02		0,03	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,08	0,08		0,08	0,08	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,02		0,02	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,02	0,02		0,02	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Vốn cổ phần được duyệt và phát hành của Công ty là:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số cổ phần được duyệt	5.026.600	50.266.000.000	5.026.600	50.266.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành	5.026.600	50.266.000.000	5.026.600	50.266.000.000
Cổ phiếu phổ thông				
Số cổ phiếu đang lưu hành	5.026.600	50.266.000.000	5.026.600	50.266.000.000
Cổ phiếu phổ thông				

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một biểu quyết tại cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả các cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông của công ty:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Tổng công ty LICOGI -CTCP	2.563.566	51%	1	1	
2	Cổ đông khác	2.463.034	49%			
	- Trong nước	2.463.034	49%	281		281
	- Ngoài nước					
	Tổng cộng	5.026.600	100%	282	1	281
	- Trong nước	5.026.600	100%	282	1	281
	- Ngoài nước					

Nguồn: Danh sách cổ đông lớn tại ngày chốt danh sách sở hữu số:1412/2018-LG9/VSD-ĐK ngày 17/12/2018 của LG9 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam – CN TPHCM cấp

-Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty:

Tên cổ đông lớn	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
TỔNG CÔNG TY LICOGI- CTCP	Nhà G1, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	2.563.566	51,00
Nguyễn Thị Hoàng Vân	22A/KP1, Long Bình tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	403.458	8,03

Tên cổ đông lớn	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Văn Vinh	666/70, đường 3 tháng 2, phường 14, Q.10, Tp. HCM	457.194	9,09

Nguồn: Danh sách cổ đông lớn tại ngày chốt danh sách sở hữu số:1412/2018-LG9/VSD-ĐK ngày 17/12/2018 của LG9 và báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu của cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty nói trên.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2018 Công ty chưa có kế hoạch phát hành tăng vốn điều lệ.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1.Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a.Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm chính và dịch vụ chính trong năm: Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là Thủy điện; nhiệt điện; các công trình công nghiệp và dân dụng; làm đường giao thông; thủy lợi, các loại cầu, bến cảng; các công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp thoát nước; đầu tư xây dựng khu đô thị mới, kinh doanh phát triển nhà; sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng,... do vậy nguyên vật liệu chính sử dụng để cấu thành sản phẩm của công ty chính là các nguyên vật liệu phục vụ xây dựng cơ bản như : sắt, thép, xi măng, cát, đá, các vật liệu chuyên dụng khác,..trong hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 của công ty đã ban hành các văn bản về mua sắm, quản lý sử dụng vật tư đảm bảo đúng chất lượng, có hiệu quả tránh thất thoát, lãng phí.

b.Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế: Công ty không sử dụng nguyên vật liệu được tái chế để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính.

6.2.Tiêu thụ Năng lượng: Với đặc thù ngành nghề kinh doanh nên công ty chỉ sử dụng năng lượng là điện năng để phục vụ cho máy móc, thiết bị thi công và phục vụ cho công tác văn phòng. Việc tiết kiệm năng lượng được thông qua các nội quy, quy định của công ty về sử dụng máy móc, thiết bị, điện văn phòng,...

6.3.Tiêu thụ nước: Nguồn cung cấp nước và nước sử dụng chủ yếu là nguồn nước sạch sử dụng cho sinh hoạt và một phần sử dụng cho sản xuất với tính chất là vật liệu phụ trong thi công. Công ty không sử dụng nước tái chế trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

6.4.Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

-Trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc thù hoạt động thi công xây dựng: các công trình cơ bản hoạt động trên địa bàn cả nước, công ty luôn tuân thủ về pháp luật bảo vệ môi trường tại các địa phương có các công trình đang thi công.

-Toàn bộ nước thải sinh hoạt và nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng tại trụ sở cơ quan công ty và tại các công trình đang thi công trong nhiều địa phương,... Công ty tiến hành thu gom và xử lý, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra hệ thống thải nước chung trong khu vực thực hiện công trình, dự án. Các rác thải, chất thải rắn đều được thu gom và xử lý theo quy định để đảm bảo vệ sinh môi trường.

-Trong năm 2018 Công ty không bị xử phạt về vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định môi trường.

6.5.Chính sách liên quan đến người lao động:

-Chính sách tiền lương, tiền thưởng:

Công ty xây dựng Quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Việc phân phối tiền lương được thực hiện công khai, dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong công ty:

+Nâng bậc lương hàng năm theo quy định.

+Hàng năm CBCNV được hưởng tối thiểu 13 tháng lương, ngoài ra còn được hưởng thêm lương theo năng suất và hoàn thành công việc vào các ngày Lễ, tết,...

+Tiền thưởng gồm: Thưởng cá nhân, đơn vị có thành tích trong SXKD; Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi cho công ty; Thưởng thi đua hàng năm.

+Thu nhập bình quân của CBCNV Công ty: 6.100.000 đồng/người/tháng.

-Chế độ nghỉ việc, tham gia đóng BHXH,BHYT,BHTN:

Tất cả CBCNV chính thức của công ty đều được tham gia đóng BHXH,BHYT,BHTN và hưởng các chế độ trợ cấp phù hợp với Luật lao động, Luật BHXH hiện hành:

+Người lao động nghỉ việc Công ty trả trợ cấp thôi việc=1/2 tháng lương/năm, cộng với phụ cấp lương (nếu có), tiền lương làm căn cứ tính trợ cấp thôi việc là tiền lương, tiền công theo hợp đồng lao động được tính bình quân của 6 tháng liền kề trước khi chấm dứt hợp đồng lao động với công ty, thời gian tính trợ cấp đến hết ngày 31/12/2008.

+Đăng ký tham gia đóng BHXH,BHYT,BHTN cho người lao động mới tuyển dụng kịp thời và đầy đủ theo Luật BHXH hiện hành.

+Giải quyết đầy đủ chế độ ốm đau, thai sản cho người lao động, thực hiện tốt chế độ chính sách cho người lao động khi bị tai nạn lao động.

+Thường xuyên chăm lo đến sức khỏe cho người lao động: Người lao động khám sức khỏe định kỳ 01 lần/năm.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương:

Bên cạnh phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng doanh nghiệp, Công ty còn thường xuyên tham gia và hỗ trợ về vật chất các phong trào thể thao của địa phương tổ chức. Tích cực tham gia và ủng hộ, đóng góp vật chất các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, nhân đạo từ thiện. Trong năm 2018, Công ty đã tham gia nhiều hoạt động xã hội như:

-Hoạt động trào “Đền ơn đáp nghĩa”;

-Hoạt động vì người nghèo : ủng hộ đồng bào lũ lụt,...;

-Hoạt động khuyến học; Quỹ từ thiện (thăm hỏi tặng quà cho các gia đình CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ tiền chữa bệnh cho CBCNV nghèo và thân nhân,...)

PHẦN III - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Công ty)

A. KẾTQUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch 2018 (Bảng 1)

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH2018/ TH2017 (%)	TH2018/ KH2018 (%)
I	Một số chỉ tiêu tài chính						
1	Giá trị sản xuất	Tr.đ	223.000	220.000	267.250	119,84	121,48
2	Doanh thu thuần	Tr.đ	182.046	220.000	228.334	125,43	114,17
3	Tổng số phải nộp ngân sách	Tr.đ	7.302	10.000	4.204	57,57	42,04
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	7.570	7.500	6.445	85,14	85,93
II	Lao động và thu nhập						
1	Tổng số lao động bình quân	Người	290	265	280	96,55	105,66
2	Thu nhập BQ CBCNV/ th,ng	Tr.đ	6,100	7.500	7.500	122,95	100,00
3	Tỷ trọng tiền lương/ doanh thu thuần	%	12,00	12,00	11,04	91,97	91,97
III	Đầu tư MMTB	Tr.đ	11.488	37.811	3.389	29,50	8,96

2. Nhận xét, đánh giá:

Nhìn chung năm 2018 công ty chưa đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra như :

+Doanh thu thuần đạt : 228.334 tỷ đồng tăng 25,43 % so với năm 2017 và đạt 114,17 % tức là tăng 14,17% so với kế hoạch năm 2018.

+Lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 85,93 % tức là giảm 14,07% so với kế hoạch năm 2018 và giảm 14,86 % so với thực hiện năm 2017.

Mặc dù trong năm vừa qua Công ty chưa đạt được kết quả như mong muốn, nhưng trong năm công ty đã không ngừng nỗ lực đẩy mạnh công tác quản lý, tăng cường quản trị sản xuất với nhiều chính sách và giải pháp phù hợp. Cụ thể:

2.1/ Lĩnh vực xây lắp và sản xuất VLXD

-Thi công xây lắp là lĩnh vực truyền thống đồng thời cũng là hoạt động chính của Công ty đóng góp đến 85% tổng giá trị sản lượng và doanh thu của Công ty. Điểm thuận lợi của năm 2018 là ngay từ đầu năm khối lượng công việc gói đầu của toàn công ty đã tương đương với 70% kế hoạch năm.

Các công trình thi công trong năm 2018 phần lớn đảm bảo chất lượng cũng như tiến độ Chủ đầu tư yêu cầu. Công tác chất lượng có tiến bộ hơn nhiều so với các năm trước, do công ty đã lưu ý tuyển chọn vật tư thi công đúng chủng loại, chất lượng nên chất lượng công trình thi công đạt yêu cầu của Chủ đầu tư, quản lý chặt chẽ về kinh tế để đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.

-Công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi vốn tương đối kịp thời đã đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho SXKD, vốn cho đầu tư và trả nợ đúng hạn. Năm 2018, một số công trình làm tốt như: Công trình KCN Châu Đức; Công trình thủy điện Đăkkrar; Công trình thủy điện ĐamBri; Công trình Villa park Quận 9; Cho thuê thiết bị và văn phòng; Đường cao tốc Đà Nẵng- Quảng Nam; Theo Hợp đồng số 58/HĐKT/Licogi9-NN ngày 10/09/2018 giữa Công ty Licogi 9 và Công ty TNHH Nam Nguyên về việc cho thuê toàn bộ thiết bị hiện hữu của trạm bê tông Licogi 9 tại Tân Thành –BRVT và hàng tháng là Công ty TNHH Nam Nguyên chuyển nộp cho công ty Licogi 9 là 320 triệu đồng/tháng, bắt đầu từ tháng 09/2018 cho đến khi hết thời gian thuê đất (là ngày 19/5/2021). Như vậy Công ty Licogi 9 cho Công ty TNHH Nam Nguyên thuê trạm đến khi hết thời gian thuê đất (là ngày 19/5/2021) được 33 tháng, số tiền thu về 10,23 tỷ đồng.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số công trình đã thi công xong nhưng chưa hoàn thành quyết toán, một số công trình còn nợ đọng kéo dài do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan nên đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả chung của Công ty như: Công trình thủy điện Đăkdrinh, Công trình khu đô thị mới thủ thiêm Q2,...

2.2/ Lĩnh vực đầu tư :

a. Dự án Văn phòng làm việc và cho thuê: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng từ tháng 6 năm 2014. Tuy nhiên, mục tiêu kinh doanh cho thuê các tầng văn phòng còn lại đã thực hiện được như mong đợi, tỷ lệ lấp đầy đạt 85%.

b. Đầu tư thiết bị : Máy móc thiết bị chủ lực của Công ty phần lớn đã cũ, khấu hao đã gần hết, giá trị sử dụng không còn nhiều nhưng trong năm không có dự án, công trình lớn cần thiết đầu tư nên Công ty đã tận dụng khai thác tối đa các thiết bị Công ty đang có, về công tác đầu tư thiết bị trong năm 2018 Công ty đã đầu tư thêm 01 cần cẩu tháp phục vụ cho công trình thủy điện ĐamB'ri tại Bảo Lộc và 02 máy đào có dung tích $\leq 1,2m^3$ phục vụ cho công trình Châu Đức.

c. Đầu tư tài chính:

- Tổng số vốn Công ty đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết, đến thời điểm 31/12/2018 là : 29,789 tỷ đồng, trong đó:

- Đầu tư vào Công ty CP Licogi 9.2 với số vốn là 13,249 tỷ đồng. Năm 2018, hoạt động SXKD của đơn vị có lãi : 110,957 triệu đồng, Lũy kế từ năm 2013 đến 31/12/2018 là 14,334 tỷ đồng nên Công ty không được chia cổ tức.

-Đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP ĐT-XD Bình Long với số vốn là 16,540 tỷ đồng: Năm 2018, theo Hợp đồng khoán trọn số 06/HĐGK/2018/CG9 ký ngày 20/01/2018 giữa Công ty CP Licogi 9 với Công ty CP ĐT-XD Bình Long và hàng năm đến

hết ngày 31/12 là Công ty CP ĐT-XD Bình Long chuyển nộp cho công ty Licogi 9 là 03 tỷ đồng.

Nhìn chung, Hiệu quả từ hoạt động này vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng của Công ty, đặc biệt là Công ty con (Licogi 9.2).

2.3/ Công tác tài chính.

-Quản lý và sử dụng hiệu quả vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đảm bảo dòng vốn kinh doanh đủ, với lãi vay thấp.

-Hoàn thành đúng quy định về công tác: chi trả cổ tức, chi trả tiền lương, tiền thưởng, và các khoản chi trả khác cho người lao động. Thực hiện và triển khai công tác quản trị dòng tiền thu- chi, phục vụ cho công tác quản trị tài chính của Doanh nghiệp.

-Thực hiện tốt chức năng tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo công ty trong việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trong công tác tài chính.

2.4/ Công tác thu hồi công nợ.

-Năm 2018 là một năm gặp không ít những khó khăn về công tác thu hồi công nợ và thanh quyết toán các công trình mà Công ty đã và đang thi công nhưng với sự quyết tâm của Ban điều hành về cơ bản Công ty cũng đã đẩy nhanh công tác thu hồi công nợ nhằm đảm bảo cho nhu cầu vốn lưu động, hạn chế được rủi ro thanh toán, hạn chế tối đa việc phát sinh thêm nợ xấu.

-Thúc đẩy công tác quản lý nợ, phân loại các khoản nợ, thu hồi nợ nhất là các khoản nợ quá hạn.

2.5/ Công tác tổ chức, nhân sự và đào tạo.

-Duy trì việc thực hiện quy chế đánh giá nhân viên và cán bộ hàng tháng theo A, B. Thực hiện khen thưởng hàng tháng đối với các cá nhân xuất sắc.

-Công tác đào tạo: tổ chức đào tạo và thi nâng bậc cho 21 công nhân, huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên đang trực tiếp thi công tại các công trường, Trạm bê tông, Xưởng sửa chữa.

-Công tác BHXH, BHYT y tế: 100% người lao động trong công ty được ký hợp đồng lao động và được đóng BHXH, BHYT và BHTN theo quy định pháp luật.

3. Một số tồn tại:

- Công tác sản xuất kinh doanh :

+ Công tác tìm kiếm việc làm chưa đạt so với kế hoạch đề ra.

+ Các công trình mà Công ty đang thi công rất khó khăn, công trình nhỏ lẻ, công việc làm không đều nên hiệu quả công việc thấp.

+ Tài chính Công ty nhiều lúc còn thiếu, không đáp ứng kịp thời cho việc thi công.

+ Công tác quản lý chi phí trên các công trường còn chưa sát và chặt chẽ, cho nên chi phí tăng cao dẫn đến một số công trình thi công không hiệu quả.

+ Công tác bảo dưỡng sửa chữa thiết bị năm 2018 tuy đã có nhiều cải thiện song mới chỉ mang tính duy trì chứ chưa có giải pháp lâu dài.

- Công tác thu hồi công nợ, thanh quyết toán các công trình mà Công ty thi công còn chưa thực sự quyết liệt.

- Công tác nhân sự: Chế độ lương, thưởng hiện tại chưa đủ hấp dẫn để giữ chân lực lượng nhân sự có chuyên môn cao.

*** Nguyên nhân:**

-**Thứ nhất:** Một số công trình đã thi công xong từ các năm trước nhưng Chủ đầu tư thiếu vốn nên tìm mọi cách kéo dài, thanh toán chậm dẫn đến tiền vay Ngân hàng lớn đã làm giảm lợi nhuận Công ty. Đặc biệt như Công ty CP Thủy điện Đắkdrinh, Công ty Licogi 9.1, Công ty CP ĐTXD & PT VL IDICO, Tổng công ty Licogi,... đã tồn nợ kéo dài nhiều năm.

-**Thứ hai:** Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của một số cán bộ điều hành, quản lý còn hạn chế, chưa chủ động nắm bắt và xử lý thông tin kịp thời, thiếu năng động, quyết liệt, chưa tạo được môi trường gắn kết, phối hợp giữa các bộ phận nên hiệu quả hoạt động chưa cao.

-**Thứ ba:** Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm rất khó khăn do cạnh tranh khốc liệt, các dự án tìm được chủ yếu do các doanh nghiệp làm chủ đầu tư nên tài chính cũng khó khăn.

*** Bài học kinh nghiệm:**

-Do đặc thù là Doanh nghiệp xây dựng, địa bàn hoạt động sản xuất phân tán theo các Công trình, Dự án có các điều kiện khác nhau nên việc tổ chức sản xuất, quản lý và điều hành phải rất cụ thể, sâu sát, quyết liệt, đặc biệt là công tác cán bộ và cơ chế khoán quản lý. Quá trình điều hành, quản lý phải theo hệ thống vừa trực tuyến để kịp thời đáp ứng yêu cầu sản xuất, vừa theo chức năng để tăng cường công tác quản lý, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật; chế độ thông tin, báo cáo phải được duy trì đều đặn và có tính hệ thống. Tăng cường chế độ làm việc tập thể từ cấp cao nhất đến cơ sở để bàn bạc và đưa ra các quyết định hiệu quả nhất, hạn chế và ngăn ngừa các rủi ro. Khi phát hiện các vấn đề bất cập, thiếu sót cần phải nghiên cứu, xem xét và giải quyết kịp thời, triệt để, phải đặt lợi ích chung của Công ty là trọng tâm để xử lý các vấn đề.

-Với mô hình LICOGI 9 hiện nay và để tiếp tục phát triển, bền vững, hiệu quả trong thời gian tới, cần tiếp tục củng cố, hoàn thiện các cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng Cán bộ lãnh đạo. Tinh giảm bộ máy khối gián tiếp.

B. KẾ HOẠCH NĂM 2019 VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Trên cơ sở các hợp đồng thi công chuyên tiếp của năm 2018, các dự án đang triển khai, khả năng khai thác thêm thị trường mới, Ban tổng giám đốc đề ra kế hoạch SXKD năm 2019 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 (bảng2)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2018	Kế hoạch 2019 (%)	KH2019/ TH2018 (%)
I	MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH				
1	Giá trị sản xuất	Tr.đ	223.000	220.000	98,65
2	Doanh thu	Tr.đ	182.046	200.000	109,86
3	Tổng số phải nộp ngân sách	Tr.đ	7.302	10.000	136,95
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	7.570	9.000	118,89
II	LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP				
1	Tổng số lao động bình quân	Người	290	265	91,38
2	Thu nhập BQ CBCNV/ tháng	Tr.đ	6,100	7,500	122,95
3	Tỷ trọng tiền lương/ doanh thu	%	12	12	100,00
III	ĐẦU TƯ (MMTB)	Tr.đ	11.488	37.811	329,13

2. Giải pháp thực hiện

2.1/ Đối với lĩnh vực thi công xây lắp và sản xuất VLXD:

-Tập trung tối đa nguồn lực để chủ động tìm kiếm việc làm, trong đó chú trọng đến các dự án lớn về hạ tầng. Nâng cao chất lượng hồ sơ dự thầu và công tác đấu thầu.

-Tổ chức quản lý, triển khai tốt các công trình đang thi công dở dang kết hợp đẩy mạnh công tác thanh quyết toán để tạo nguồn tiền cho Công ty.

-Tăng cường quan hệ, liên doanh, liên kết để tìm kiếm thị trường tiềm năng mới. Nghiên cứu, cải tiến các các biện pháp thi công công nghệ mới, xây dựng hình ảnh Công ty là Nhà thầu chuyên nghiệp, thân thiện, có tín nhiệm đối với Chủ đầu tư.

-Về lĩnh vực sản xuất VLXD: Tăng cường công tác tiếp thị quảng bá sản phẩm bê tông thương phẩm tới khách hàng trong khu vực, từng bước chiếm lĩnh thị phần với phương châm uy tín, chất lượng, giá cả cạnh tranh...

2.2/ Đối với lĩnh vực kế hoạch - Tài chính Kế toán:

-Chủ động nắm bắt thông tin thị trường, tìm khách hàng, lập kế hoạch SXKD định kỳ, triển khai thực hiện các kế hoạch liên quan đến SXKD, giao nhiệm vụ kế hoạch cho các đơn vị thi công. Lập hồ sơ và tham gia đấu thầu các công trình trong ngành, tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc thương thảo và ký kết các Hợp đồng kinh tế với các đối tác. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong công tác lập và trình duyệt các dự toán cũng như việc nghiệm thu, thanh toán đối với các Chủ đầu tư, đảm bảo nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty.

-Thực hiện công tác quản lý vật tư thiết bị, rà soát, tổ chức mua sắm, đảm bảo vật tư cho sản xuất, phối hợp cùng các phòng ban quản lý công tác sửa chữa, bảo dưỡng, quản lý quản lý vật tư thiết bị hiệu quả.

-Tập trung, quyết liệt và giao trách nhiệm cụ thể, chi tiết trong việc nghiệm thu, thanh toán, thu hồi vốn. Có các giải pháp mạnh đối với các khoản nợ dây dưa, khó đòi.

-Tiếp tục đẩy mạnh công tác khoán - quản, nâng cao chất lượng quản lý trong khoán quản, theo đó tất cả các công trình đều phải có phương án kinh tế, phương án giao khoán để kiểm soát đồng bộ từ tiến độ thi công, chất lượng, an toàn lao động, chi phí, lợi nhuận, tiến độ thu hồi vốn; đồng thời xây dựng cơ chế chịu trách nhiệm khi tham gia thi công công trình/dự án, gắn trách nhiệm của Chủ công trình với hiệu quả kinh tế của công trình.

-Kiểm soát chi phí: Phân đầu giảm dần dư nợ các tổ chức tín dụng, xây dựng các phương án tái cơ cấu nguồn vốn, kiểm soát chặt chẽ đối với công nợ phải thu, phải trả, tạm ứng cá nhân nhằm giảm giảm chi phí tài chính.

2.3/ Công tác tổ chức, nhân sự:

-Tiếp tục rà soát, định biên đội ngũ Cán bộ CNV; Tổ chức sắp xếp lại các phòng ban để đáp ứng nhu cầu chiến lược phát triển kinh doanh trong giai đoạn mới. Sắp xếp, bồi dưỡng nhân sự, đánh giá cán bộ tại các phòng ban, các đơn vị trực thuộc. Chọn lọc nhân lực giỏi chuyên môn, thông thạo ngoại ngữ để thi công các công trình có yếu tố nước ngoài.

-Xây dựng chiến lược tuyển dụng, thu hút và đào tạo đội ngũ công nhân có tay nghề về làm việc và ký hợp đồng dài hạn với công ty và xây dựng chính sách đãi ngộ riêng với lực lượng lao động này.

-Áp dụng hiệu quả quy chế tiền lương, thường xuyên xem xét, điều chỉnh cho phù hợp, vận dụng các chính sách thưởng phù hợp để khuyến khích cán bộ CNV tăng năng suất lao động, làm việc trách nhiệm, hiệu quả, gắn bó lâu dài với Công ty.

2.4. Công tác đầu tư :

-Đối với lĩnh vực đầu tư tài chính: Tăng cường hiệu lực và hiệu quả hoạt động của người đại diện phần vốn tại các Công ty con, công ty liên kết. Hỗ trợ và tạo điều kiện để Mỏ đá Bình Long phát huy hiệu quả sản xuất cao hơn nữa đóng góp vào chỉ tiêu lợi nhuận tốt hơn cho Công ty.

-Khôi phục lại sản xuất kinh doanh Công ty CP LICOGI 9.2, tìm các nguồn tài chính để tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh có thể bán bớt phần vốn cho các nhà đầu tư có năng lực, có tài chính và có việc làm.

-Đầu tư thiết bị công nghệ: Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật mới trong thi công để đầu tư máy móc thiết bị thi công hiện đại, thay thế dần những máy móc thiết bị cũ, kém hiệu quả không đáp ứng được công nghệ thi công cũng như yêu cầu khắt khe của các chủ đầu tư nước ngoài. Đầu tư thiết bị mới hết sức thận trọng trong việc cân đối nguồn, chi phí đầu tư, phương án khai thác và sử dụng để đảm bảo hiệu quả đầu tư.

-Tập trung tìm kiếm các mảng đầu tư đem lại hiệu quả kinh tế như tài nguyên, bất động sản.

2.5/ Công tác quản lý điều hành:

-Theo dõi sát diễn biến thị trường, kịp thời đánh giá tình hình đề xuất các giải pháp để phòng ngừa, hạn chế rủi ro, đảm bảo tài chính doanh nghiệp an toàn, hiệu quả.

-Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức để phù hợp với quy mô và đặc thù sản xuất của Công ty; Xây dựng hệ thống quản lý phù hợp đảm bảo chuẩn hóa, minh bạch thông tin; Xây dựng các chế tài cần thiết để xử lý các vi phạm.

-Chỉ đạo, quản trị hoạt động của doanh nghiệp tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 do Đại hội cổ đông giao.

PHẦN IV- ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Năm 2018, bối cảnh kinh tế trong nước còn nhiều biến động, thị trường vẫn khó lường; Quy định mới về vốn trong Luật đấu thầu mới có hiệu lực từ tháng 8/2014 do vậy công tác kế hoạch tìm kiếm việc gói thầu cho năm 2018 không thực hiện được gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty; chi phí vốn cao; các thủ tục hành chính trong đầu tư và thanh toán vẫn chưa được thông thoáng, đặc biệt là cơ chế nghiệm thu thanh toán các công trình chỉ định thầu, ... Mặc dù vậy, công ty CP Licogi 9 đã nỗ lực tìm kiếm những cơ hội đầu tư, mở rộng hoạt động sang lĩnh vực mới ... đã tận dụng cơ hội để tái cấu trúc lại Công ty, đồng thời bám sát tình hình thực hiện, tranh thủ cơ hội để đầu tư, ứng xử linh hoạt, chỉ đạo sát sao để kịp thời điều chỉnh, xử lý công việc quyết liệt, triệt để, mang lại các kết quả thiết thực nên đã vượt qua thách thức và tạo được cơ hội mới cho sự phát triển trong các năm tiếp theo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Các thành viên HĐQT hầu hết đều là thành viên kiêm nhiệm các chức danh trong Ban Tổng giám đốc công ty tạo điều kiện cho Ban Tổng giám đốc công ty triển khai có hiệu quả các Nghị quyết của HĐQT công ty, kịp thời thông tin báo cáo, điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

Ban Tổng giám đốc Công ty điều hành hoạt động đảm bảo theo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Với vai trò định hướng, giám sát của HĐQT, nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và cùng với các phòng, ban chuyên môn và toàn thể cán bộ CNV trong công ty tổ chức thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu về SXKD năm 2018 như sau:

+Doanh thu thuần đạt : 228.334 tỷ đồng tăng 25,43 % so với năm 2017 và đạt 114,17 % tức là tăng 14,17% so với kế hoạch năm 2018.

+Lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 85,93 % tức là giảm 14,07% so với kế hoạch năm 2018 và giảm 14,86 % so với thực hiện năm 2017.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2019, HĐQT Công ty định hướng sẽ tiếp tục phát triển theo hướng tăng tỷ trọng doanh thu vật liệu xây dựng, hoạt động thi công xây lắp phát triển theo chiều sâu, hiệu quả, không chạy theo qui mô; Tiếp tục củng cố, gia tăng uy tín và vị thế của công ty đối với các Chủ đầu tư

-Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc cơ cấu lại Phòng/Ban, xây dựng chức năng nhiệm vụ cụ thể từng Phòng/Ban, nhân sự theo hướng tinh gọn và hiệu quả đồng thời xây dựng lại quy chế lương đảm bảo công bằng trong thu nhập.

-Thông qua chủ trương cơ cấu lại phòng Tổ chức hành chính Công ty theo mô hình tách làm 02 bộ phận: 01 bộ phận phụ trách về nhân sự - tiền lương và 01 bộ phận tổ chức hành chính. HĐQT giao cho Tổng giám đốc Công ty lập phương án cơ cấu lại và trình HĐQT xem xét và có quyết định.

- Thông qua phương án cơ cấu số lượng Phó Tổng giám đốc Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 là 02 người: 01 Phó tổng giám đốc phụ trách kinh tế - kỹ thuật và 01 Phó tổng giám

đốc phụ trách cơ giới vật tư. HĐQT giao cho Tổng giám đốc công ty xây dựng báo cáo đánh giá cán bộ trong Ban Tổng giám đốc, các Trưởng phòng ban và chức danh tương đương tại công ty trình HĐQT để làm cơ sở bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ nhiệm kỳ 2018-2023 theo thẩm quyền.

-Chỉ đạo người quản lý vốn tại các Công ty con, công ty liên kết tăng cường công tác quản lý tài chính, tái cấu trúc lại Công ty CP Licogi 9.2.

-Chỉ đạo nâng cao hơn nữa năng suất, chất lượng, sản lượng của các Công trình thi công, Trạm sản xuất bê tông tươi,...cũng như nghiên cứu giải pháp giảm thiểu hơn nữa các loại chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm;

-Tăng cường khâu tiếp thị đấu thầu tìm kiếm việc làm, marketing, mở rộng thị trường, đảm bảo cạnh tranh, hoàn thành kế hoạch năm;

- Thông qua phương án cho thuê toàn bộ các thiết bị hiện hữu của Trạm bê tông Licogi 9 vào tháng 09/2018. Giao ủy quyền cho Tổng giám đốc giám đốc thương thảo, ký kết hợp đồng đảm bảo an toàn, có hiệu quả và đúng quy định của pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm làm việc với các bộ phận, cá nhân, tổ chức có liên quan nhanh chóng thu hồi công nợ trong năm 2018.

-Tiếp tục chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đối với các vấn đề còn tồn tại vướng mắc từ trước đây;

-Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tích cực rà soát và thu hồi nợ đọng;

-Rà soát, điều chỉnh lại cơ chế quản lý tài chính, đầu tư, thanh lý tài sản, tổ chức nhân sự trong toàn Công ty;

-Quan tâm và bảo vệ quyền lợi hợp pháp tối đa cho cổ đông cũng như thu nhập, quyền lợi và điều kiện làm việc của người lao động của Công ty;

-Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch;

-Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản trị công ty; Tiếp tục duy trì việc tổ chức phiên họp thường kỳ hoặc lấy phiếu ý kiến để thảo luận, thông qua các báo cáo, kế hoạch, hoặc các vấn đề quan trọng đến tình hình SXKD Công ty tối thiểu 1 lần/quý, chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tổ chức các cuộc họp bất thường để xử lý các phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT;

PHẦN V – QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.Hội đồng quản trị

a.Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức ngày 22/06/2018 đã thông qua Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 gồm 04 thành viên:

- | | |
|-----------------------|-------------------|
| 1. Ông Phan Thanh Hải | Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Đào Duy Hiền | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Đào Hồng Khánh | Thành viên HĐQT |
| 4. Ông Bùi Đình Long | Thành viên HĐQT |

b.Các tiểu ban thuộc HĐQT: Công ty cổ phần cơ giới và xây lắp số 9 không thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT, HĐQT đã phân công mỗi thành viên HĐQT phụ trách một số lĩnh vực phù hợp với chuyên môn của mình để đưa ra những ý kiến chính xác và hiệu quả nhằm giúp HĐQT có những quyết định đúng đắn, có những biện pháp chỉ đạo kịp thời bộ máy điều hành đáp ứng các yêu cầu của hoạt động SXKD.

c.Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018 HĐQT đã thực hiện tốt chế độ hội họp, sinh hoạt theo quy định. Các thành viên HĐQT tại công ty hầu hết đều kiêm nhiệm các vị trí trong ban điều hành nên việc thực

hiện các nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc là rất sát sao và kịp thời thông qua:

-Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc về việc chuẩn bị các báo cáo đề xuất, các dự án trình HĐQT, triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

-Tham dự và có ý kiến trong các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc về việc xây dựng và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh, các cuộc họp giao ban sản xuất, xây dựng và hoàn thiện các quy chế trong hệ thống các quy chế quản lý của công ty về: giao khoán, chi tiêu, chế độ lương, thưởng, quản lý chất lượng,...

-Theo dõi và nắm bắt kịp thời quá trình điều hành sản xuất, trong năm 2018 HĐQT đã tổ chức 02 cuộc họp thường kỳ của HĐQT, 01 kỳ họp ĐHCĐ thường niên và 03 cuộc họp bất thường. Các cuộc họp của HĐQT được tổ chức theo đúng điều lệ công ty. Các văn bản được ban hành đúng thẩm quyền, thông qua các thành viên HĐQT tại các cuộc họp hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đảm bảo về thể thức, nội dung văn bản và đều dựa trên sự thống nhất chấp thuận của các thành viên HĐQT.

HĐQT giám sát chỉ đạo các hoạt động SXKD đối với bộ máy điều hành theo đúng thẩm quyền, không gây ra sự chông chéo trong công tác quản lý, đưa ra phương hướng chỉ đạo chứ không làm thay nhiệm vụ điều hành của Tổng giám đốc công ty.

Trong lĩnh vực đầu tư tài chính cũng như đầu tư nâng cao năng lực thi công, HĐQT công ty đã có những quyết định đúng thẩm quyền, kịp thời, có chọn lọc nhằm chỉ đạo Tổng giám đốc công ty trong việc cân đối các nguồn vốn phục vụ cho SXKD và phát triển đầu tư các dự án.

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên nhiệm kỳ 2018-2023: không có thành viên nào thuộc bộ phận kế toán tài chính của công ty, có 01 thành viên chuyên trách và 02 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. Đến tháng 08/2018 bà Trần Thị Ngọc Huyền được quyết định làm thành viên BKS chuyên trách theo Quyết định số 39/QĐ/CT9-TCHC ngày 14/08/2018.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát:

- | | |
|---------------------------|-----------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Anh Dũng | Trưởng Ban Kiểm soát |
| 2. Ông Hoàng Như Thái | Thành viên BKS |
| 3. Bà Trần Thị Ngọc Huyền | Thành viên BKS chuyên trách |

Tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần: *như đã nêu ở phần công bố thông tin Thành viên Ban kiểm soát.*

b. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Thực hiện quy định trong điều lệ công ty, Ban kiểm soát đã tiến hành họp định kỳ đầy đủ 4 quý và thay mặt cổ đông kiểm tra giám sát phần lớn các hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của HĐQT, Ban điều hành trên cơ sở các quy định của pháp luật, điều lệ công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông công ty.

Tham dự và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp HĐQT về việc định hướng, quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển công ty và chỉ đạo triển khai kế hoạch SXKD năm 2018.

Kiểm tra, giám sát các thủ tục, trình tự công tác tổ chức Đại hội cổ đông thường đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT, tập trung hỗ trợ HĐQT để triển khai tốt nghị quyết.

Kết quả Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018:

Qua thẩm định Ban kiểm soát thống nhất với nội dung như sau:

-Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của công ty đã lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán phía Nam đã phản ánh trung thực tình hình tài chính đến thời điểm 31/12/2018.

-Việc ghi chép, mở sổ kế toán theo chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành.

-Tình hình thực hiện các chỉ tiêu cơ bản theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2018 đề ra:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2018	Thực hiện Năm 2018	(%) Hoàn thành KH
1	Tổng sản lượng	Triệu đồng	220.000	267.250	121,48
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	200.000	230.982	115,49
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	191.000	22.536	117,56
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.000	6.445	71,61
5	Thuế TNDN	Triệu đồng	1.800	902	50,11
6	Thu nhập bình quân	đ/ng/th	7.500	7.500	100,00

Công tác giám sát hoạt động của HĐQT, BĐH và thực hiện quy chế quản trị nội bộ:

-HĐQT đã triển khai, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của cổ đông công ty, thảo luận và quyết nghị kịp thời những vướng mắc trong quá trình hoạt động kinh doanh, bảo vệ quyền lợi cổ đông và chế độ chính sách với người lao động.

-Ban Tổng giám đốc cùng cán bộ quản lý công ty đã tổ chức triển khai và thực hiện điều hành hoạt động hàng ngày của công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong điều lệ công ty. Tuân thủ đúng các Nghị quyết của HĐQT.

-Ban Tổng giám đốc cùng cán bộ quản lý công ty tuân thủ tốt các quá trình hoạt động theo các yêu cầu của hệ thống quản lý nội bộ, các yêu cầu của chuẩn mực kế toán và các chế độ kế toán hiện hành.

-Ban kiểm soát chưa phát hiện các thành viên HĐQT, các cán bộ quản lý của công ty vi phạm pháp luật, điều lệ, quy chế quản trị và các quy định khác của công ty.

3.Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a.Lương, thù lao của HĐQT, BTGD và BKS

a.1.Lương:

Các thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát là thành viên kiêm nhiệm: thang bảng lương của thành viên HĐQT, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý trong công ty được áp dụng theo quy định thang bảng lương của công ty đã đăng ký với Sở lao động, thương binh và xã hội tỉnh Đồng Nai.

a.2.Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát công ty:

-Căn cứ theo phương án chi trả đã phê duyệt tại ĐHĐCĐ công ty;

-Căn cứ theo kết quả sản xuất kinh doanh của năm HĐQT công ty sẽ xác định quyền chi trong năm;

-Căn cứ theo từng công việc đảm nhiệm của từng thành viên, Chủ tịch HĐQT công ty quyết định mức chi cụ thể cho từng thành viên;

-Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 23/2018/LG9-BB ngày 22/06/2018 về việc chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2018 (không bao gồm tiền lương chi trả cho các vị trí chuyên trách): Công ty đã chi trả thù lao cho HĐQT, BKS, thư ký theo đúng mức đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 thông qua, tổng số tiền chi trong năm là 316.000.000 đồng, trong đó: Chi HĐQT tổng số tiền là 234.000.000 đồng (Đ/c Nguyễn Văn Cừ – Phó chủ tịch HĐQT hưởng lương chuyên trách), BKS là 82.000.000 đồng (Đ/c Trần Thị Ngọc Huyền – thành viên ban kiểm soát hưởng lương chuyên trách từ tháng 09/2018).

b.Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018 , giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc, kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn với những người có liên quan tới các đối tượng nói trên:

-Bà Nguyễn Thị Hoàng Vân vợ ông Đào Duy Hiền – Tổng giám đốc công ty – Mua 403.458 cổ phiếu – Tổng số cổ phiếu sở hữu sau giao dịch là 403.458 cổ phiếu, chiếm 8,03% vốn điều lệ.

-Ông Nguyễn Văn Vinh – Mua 457.194 cổ phiếu – Tổng số cổ phiếu sở hữu sau giao dịch là 457.194 cổ phiếu, chiếm 9,09% vốn điều lệ.

c.Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2018, Không có hợp đồng hoặc giao dịch nào được ký giữa công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban kiểm soát, Tổng giám đốc, kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn với những người có liên quan tới các đối tượng nói trên.

d.Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty. Thực hiện theo thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Luật doanh nghiệp mới được ban hành ngày 26/11/2014.

PHẦN VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1.Ý kiến kiểm toán

◆Ý kiến kiểm toán –Báo cáo tài chính riêng năm 2018:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

◆Ý kiến kiểm toán –Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp số 9 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2.Báo cáo tài chính được kiểm toán

Một số chỉ tiêu cơ bản trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		238,995,434,493	230,526,310,029
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1,044,188,203	6,303,546,969
Tiền	111		1,044,188,203	6,303,546,969
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		186,420,273,997	191,063,189,905
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	118,979,021,756	135,209,983,139
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19,285,084,439	20,390,263,276

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.1	60,258,547,109	44,973,052,134
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	-12,102,379,307	-9,510,108,644
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	50,688,023,066	32,173,380,283
Hàng tồn kho	141		50,688,023,066	32,173,380,283
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		842,949,227	986,192,872
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11.1	329,805,814	594,037,140
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14.2	513,143,413	392,155,732
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		68,585,274,293	69,488,563,700
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		223,847,000	573,847,000
Phải thu dài hạn khác	216	V.6.2	223,847,000	573,847,000
II. Tài sản cố định	220		47,442,950,299	49,045,215,347
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	44,862,938,664	46,465,203,712
- Nguyên giá	222		189,932,956,158	188,653,938,961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-145,070,017,494	-142,188,735,249
Tài sản cố định vô hình	227	V.10	2,580,011,635	2,580,011,635
- Nguyên giá	228		3,080,011,635	3,080,011,635
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-500,000,000	-500,000,000
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.3	15,971,698,704	14,644,973,451
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		15,971,698,704	14,644,973,451
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4,946,778,290	5,224,527,902
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.2	4,946,778,290	5,224,527,902
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		307,580,708,785	300,014,873,730

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		232,638,834,351	225,750,828,549
I. Nợ ngắn hạn	310		220,862,514,143	207,871,049,417
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	68,383,905,162	41,404,308,132
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12,797,053,523	23,739,274,703
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.1	5,320,980,772	5,248,780,070

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người lao động	314		12,965,096,507	18,216,804,520
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	16,205,501,264	16,169,666,214
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.1	17,539,411,383	15,307,831,094
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12.1	82,708,466,698	82,456,848,297
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4,942,098,834	5,327,536,387
II. Nợ dài hạn	330		11,776,320,208	17,879,779,132
Phải trả dài hạn khác	337	V.16.2	1,020,000,000	50,000,000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12.2	8,614,600,000	15,538,440,311
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		2,141,720,208	2,291,338,821
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		74,941,874,435	74,264,045,180
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	74,941,874,435	74,264,045,180
Vốn góp của chủ sở hữu	411		50,266,000,000	50,266,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50,266,000,000	50,266,000,000
Quỹ đầu tư phát triển	418		18,337,207,246	17,838,358,246
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5,670,044,651	5,514,021,438
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a			-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		5,670,044,651	5,514,021,438
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		668,622,538	645,665,497
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		307,580,708,785	300,014,873,730

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT Năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	228,334,772,970	182,046,830,238
Các khoản giảm trừ doanh thu	02			0
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		228,334,772,970	182,046,830,238
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	200,598,249,002	156,471,594,942
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		27,736,523,968	25,575,235,296
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5,039,480	3,160,694,606
Chi phí tài chính	22	VI.4	8,331,318,951	8,365,776,035

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		8,331,318,951	8,365,776,035
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3,240,842,200	972,589,627
Chi phí bán hàng	25	VI.7.1		0
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.2	18,167,449,797	16,885,751,538
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		4,483,636,900	4,456,991,956
Thu nhập khác	31	VI.5	2,642,516,305	3,451,278,517
Chi phí khác	32	VI.6	680,434,189	337,860,602
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1,962,082,116	3,113,417,915
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6,445,719,016	7,570,409,871
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		902,335,937	1,394,321,593
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-149,618,613	195,463,273
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		5,693,001,692	5,980,625,005
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		5,670,044,651	6,235,621,448
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		22,957,041	-254,996,443
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1,128	1,099
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		6,445,719,016	7,570,409,870
Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02		4,120,196,512	2,728,364,808
- Các khoản dự phòng	03		2,592,270,663	-3,650,932,150
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-4,303,331,316	-4,555,772,415
- Chi phí lãi vay	06		8,331,318,951	8,365,776,035
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		17,186,173,826	10,457,846,148

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		-4,604,342,436	-14,495,987,009
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		-18,514,642,783	36,529,367,598
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11.00		19,672,257,353	-17,427,586,176
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12.00		541,980,938	-1,664,404
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13.00			
- Tiền lãi vay đã trả	14.00		-8,198,608,901	-7,979,935,598
- Thuế TNDN đã nộp	15.00		-1,628,111,280	-1,246,890,263
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16.00			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17.00		-1,123,700,000	-1,088,534,151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20.00		3,331,006,717	4,746,616,145
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21.00		-1,844,700,000	-15,208,492,505
2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22.00		3,034,000,000	3,042,433,261
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23.00			
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24.00			4,000,000,000
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25.00			
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26.00			
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27.00		1,919,156,427	4,401,528,200
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30.00		3,108,456,427	-3,764,531,044
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31.00			
2.Tiền chi trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32.00			
3.Tiền thu từ đi vay	33.00		139,932,560,040	153,810,950,808
4.Tiền trả nợ gốc vay	34.00		-146,604,781,950	-146,499,311,883
5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35.00			
6.Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36.00		-5,026,600,000	-3,460,814,100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40.00		-11,698,821,910	3,850,824,825
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50.00		-5,259,358,766	4,832,909,926
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60.00	V.1	6,303,546,969	1,470,637,043
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61.00			
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70.00	V.1	1,044,188,203	6,303,546,969

Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã được kiểm toán bao gồm : Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh báo cáo tài chính được công bố trên website của công ty (địa chỉ: www.licogi9.com.vn) , của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Thanh Hải

))